

Số: 1426 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Kế hoạch số 99-KH/TU ngày 22/9/2014 của Tỉnh ủy Thái Bình thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 34/TTr-STTTT ngày 19/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện

- Phạm vi, đối tượng: Chương trình hành động này quy định trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin (CNTT) đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2015 - 2020.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát:

CNTT phải được ứng dụng rộng rãi và trở thành một bước đột phá để phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của tỉnh, chất lượng cuộc sống, chỉ số phát triển con

người và khả năng phòng thủ của tỉnh trong chiến tranh mạng. Đến năm 2020, đưa năng lực nghiên cứu, ứng dụng, phát triển sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ CNTT của tỉnh đạt mức độ khá trong toàn quốc.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

- Triển khai hiệu quả chương trình cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính quyền điện tử và dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trong mọi lĩnh vực;

- Xây dựng hạ tầng thông tin của tỉnh hiện đại, chuẩn hóa, đồng bộ, liên thông với hạ tầng của quốc gia. Triển khai và sử dụng có hiệu quả Mạng diện rộng của tỉnh trên cơ sở mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước. Tăng cường hiệu quả ứng dụng CNTT trong hệ thống chính trị, trong các ngành, các lĩnh vực; bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng ứng dụng CNTT của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trước hết là các lĩnh vực liên quan tới người dân như giáo dục, y tế, giao thông, điện, thủy lợi, hạ tầng đô thị;

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ và phát triển nguồn nhân lực CNTT đạt chuẩn quốc gia, bảo đảm nhu cầu của tỉnh về số lượng và chất lượng. Đổi mới nội dung, phương thức dạy và học; thúc đẩy xã hội học tập để đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh;

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, tiếp thu, làm chủ và phát huy các sáng kiến trong lĩnh vực CNTT. Bảo đảm an toàn an ninh thông tin, làm chủ không gian mạng; sẵn sàng ngăn chặn chiến tranh mạng;

- Khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Nâng cao nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo, vai trò và trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, lãnh đạo chính quyền các cấp; của mỗi đảng viên, cán bộ công chức, viên chức đối với việc ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh

- Thường xuyên tuyên truyền, quán triệt sâu rộng về vị trí, vai trò và những thành quả mang lại của CNTT; về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển CNTT trong chiến lược phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế của tỉnh;

- Thủ trưởng cơ quan nhà nước các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội phải chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, ứng dụng phát triển CNTT nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao phụ trách; tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của chính quyền các cấp và vai trò của Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT đối với công tác ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh;

- Ứng dụng CNTT là nội dung bắt buộc trong từng quy hoạch, kế hoạch phát triển cũng như trong từng đề án, dự án đầu tư của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực, mỗi địa phương và từng cơ quan, đơn vị;

- Khi thiết kế, xây dựng các công trình hạ tầng, khu đô thị, nhà làm việc của các cơ quan, đơn vị phải có nội dung thiết kế hạ tầng viễn thông, CNTT theo quy định của Nhà nước;

- Các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội. Xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong ứng dụng, phát triển CNTT.

3.2. Không ngừng hoàn thiện cơ chế, chính sách về ứng dụng, phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến ứng dụng và phát triển CNTT phù hợp với xu thế phát triển của tỉnh; tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, thuận lợi, minh bạch, công khai, bình đẳng; đảm bảo an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh;

- Hoàn thiện và bổ sung hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ và hiệu quả ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước, trong các đơn vị sự nghiệp và trong các doanh nghiệp;

- Ưu tiên vốn bố trí cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng và phát triển CNTT, đào tạo nguồn nhân lực CNTT. Huy động mạnh mẽ nguồn vốn doanh nghiệp, xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho CNTT. Khuyến khích áp dụng các hình thức dùng chung dịch vụ hoặc thuê dịch vụ CNTT trong các cơ quan nhà nước;

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm CNTT sản xuất trong nước, có thương hiệu Việt Nam trong các công trình, hệ thống thông tin của Đảng, Nhà nước. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước, trong tỉnh làm chủ thầu các dự án đầu tư hoặc dự án cung cấp dịch vụ CNTT cho cơ quan nhà nước. Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn, đào tạo nhân lực, phát triển thị trường và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ để ứng dụng, phát triển các công nghệ mới;

- Ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các đề tài, sáng kiến cải tiến có giá trị thuộc lĩnh vực CNTT;

- Xây dựng và ban hành các chính sách thu hút và đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức CNTT; chế độ phụ cấp đặc thù, phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức CNTT của tỉnh.

3.3. Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT

Việc ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh phải bám sát Quy hoạch phát triển ứng dụng CNTT của tỉnh đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 28/12/2007, đồng thời tổ chức thực hiện theo 4 quan điểm và 3 đột phá chiến lược đã được Bộ Chính trị đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương và các ngành chủ động xây dựng Kế hoạch ứng dụng, phát triển CNTT tại đơn vị mình đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và phù hợp với Kế hoạch chung của tỉnh.

3.3.1. Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin của tỉnh đồng bộ, hiện đại

- Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống máy tính, mạng nội bộ của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh. Xây dựng, kết nối Mạng diện rộng của tỉnh bảo đảm liên thông từ cấp tỉnh, huyện đến cấp xã;

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu quan trọng của tỉnh về dân cư, đất đai, tài nguyên, môi trường, kinh tế, xã hội, doanh nghiệp;

- Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đạt chuẩn để lưu trữ hệ thống thông tin số của tỉnh và tạo cơ sở kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh với Trung ương.

3.3.2. Ứng dụng CNTT rộng rãi, thiết thực, hiệu quả

- Chú trọng ứng dụng CNTT trong tất cả các ngành, các lĩnh vực, nhất là các ngành kinh tế, kỹ thuật để nâng cao sức cạnh tranh. Triển khai và khai thác có hiệu quả các ứng dụng CNTT của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương như hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi, hệ thống giao ban trực tuyến... vào các hoạt động chỉ đạo, điều hành của tỉnh;

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong xây dựng, quản lý, vận hành các hệ thống thông tin quan trọng, liên quan nhiều tới người dân như: giáo dục, y tế, giao thông, điện, nông nghiệp và phát triển nông thôn, thông tin và truyền thông;

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, hoàn thiện các nội dung chỉ đạo của Chính phủ về xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh: Duy trì, hoàn thiện tốt các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh đã có; triển khai chữ ký số trong hoạt động của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị của tỉnh đến cấp xã; thực hiện quản lý, điều hành hoàn toàn qua Mạng văn phòng điện tử liên thông: 95% các văn bản được số hóa (trừ văn bản mật), 90% các văn bản được gửi liên thông qua mạng có sử dụng chữ ký số để xác thực, 50% các cuộc họp tổ chức dưới hình thức trực tuyến; 100% các thông tin được công khai, minh bạch trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cổng thành phần của cơ quan nhà nước theo quy định; xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo đúng lộ trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 04/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh để phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Các chỉ tiêu trên được đưa vào tiêu chí thi đua, khen thưởng của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý toàn diện các hoạt động của doanh nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp Nhà nước;

- Đẩy mạnh hoạt động Sàn giao dịch điện tử của tỉnh để nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tỉnh với thị trường trong nước và quốc tế;

- Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý nguồn nhân lực, lao động, trong thực hiện các chính sách xã hội đối với người có công; xóa đói, giảm nghèo; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; công tác cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai và bảo trợ xã hội.

3.3.3. Phát triển công nghiệp CNTT

- Hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động, khả năng phát triển thị trường và sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp. Ưu tiên, hỗ trợ áp dụng các chuẩn kỹ năng, quy trình quản lý và sản xuất tiên tiến; ưu tiên cho vay vốn đầu tư phát triển đối với các doanh nghiệp CNTT vừa và nhỏ. Tập trung phát triển một số doanh nghiệp CNTT lớn của tỉnh;

- Đầu tư nghiên cứu; phối hợp, liên kết sản xuất; phát triển, ứng dụng các sản phẩm phần mềm dùng chung trong các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh đảm bảo hoạt động hiệu quả và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Tăng cường xúc tiến đầu tư để tiến tới hình thành khu CNTT tập trung của tỉnh.

3.3.4. Ứng dụng CNTT trong quốc phòng, an ninh; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, nâng cao năng lực quản lý các mạng viễn thông, truyền hình, Internet

- Số hóa, hiện đại hóa trang bị kỹ thuật quân sự, an ninh. Tăng cường ứng dụng CNTT trong chỉ huy, quản lý, điều hành;

- Gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng, phát triển CNTT với đảm bảo an toàn, an ninh, bảo mật hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của tỉnh. Có biện pháp bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng cho các hệ thống thông tin trọng yếu. Phát huy vai trò các lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bí mật nhà nước. Thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng công an, quân đội, cơ yếu, thông tin và truyền thông;

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, máy tính và thiết bị mạng của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước. Khuyến khích phát triển, sáng tạo các sản phẩm phần mềm; giải pháp an toàn, an ninh thông tin;

- Xây dựng tiềm lực về công nghệ, cơ sở, vật chất và nhân lực đủ khả năng bảo đảm an toàn mạng, an ninh thông tin. Tăng cường các khả năng phòng, chống và ứng cứu các sự cố về an toàn, an ninh thông tin; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị với cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin của tỉnh, của Trung ương để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý khi có các tình huống phát sinh;

- Tăng cường giám sát, phát hiện và kịp thời loại bỏ các thông tin trái với chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Quản lý chặt chẽ báo điện tử và các loại hình truyền thông trên Internet nhằm tận dụng tối đa tiềm năng, yếu tố tích cực và hạn chế mặt trái, các yếu tố tiêu cực.

3.3.5. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; tăng cường thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tư phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh;

- Đẩy mạnh hợp tác, học tập kinh nghiệm, thu hút đầu tư trực tiếp từ các tập đoàn mạnh về công nghệ thông tin, viễn thông trên thế giới. Nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao những thành tựu CNTT hiện đại.

3.4. Phát triển nguồn nhân lực CNTT, nâng cao năng lực quản lý, điều hành

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng các ứng dụng CNTT trong chỉ đạo, quản lý và điều hành. Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước; cán bộ, công chức ở cơ quan chuyên trách về CNTT; các trường đại học, cao đẳng; các ngành có ứng dụng, sử dụng nhiều về CNTT như: Giáo dục đào tạo, Y tế, giao thông, thuế, nông nghiệp và phát triển nông thôn, thông tin và truyền thông...;

- Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, nội dung và chương trình đào tạo, nhất là chương trình đào tạo CNTT cho các chuyên ngành; gắn đào tạo với nhu cầu của tỉnh cả về số lượng, chất lượng trong từng thời kỳ;

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển nguồn nhân lực CNTT, tạo điều kiện để một số chuyên gia về CNTT, cán bộ lãnh đạo, quản lý có điều kiện nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm ở các nước có trình độ tiên tiến về CNTT;

- Chú trọng hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Khuyến khích hợp tác phát triển, chuyển giao công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ, tiến tới bảo đảm đủ năng lực để bảo vệ an toàn, an ninh thông tin mạng.

3.5. Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển và ứng dụng CNTT

Đề bảo đảm nguồn vốn thực hiện xây dựng Chính quyền điện tử, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020 cần huy động từ nhiều nguồn khác nhau:

- Trước hết là nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện, xã; huy động từ nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI);

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương qua các chương trình, dự án triển khai theo ngành dọc từ Trung ương đến các địa phương; các chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình, dự án khác;

- Huy động nguồn vốn từ các doanh nghiệp, thuê dịch vụ của doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước có nguyện vọng đầu tư, hỗ trợ cho lĩnh vực CNTT của tỉnh;

Việc đầu tư phải thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực và hiệu quả, đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước; ngân sách tỉnh đảm bảo việc thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, ứng dụng CNTT có quy mô toàn tỉnh và hỗ trợ một phần kinh phí cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các sở, ban, ngành trong việc thực hiện một số dự án thiết yếu, quan trọng. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các sở, ban, ngành xây dựng dự toán kinh phí hàng năm để duy trì, nâng cấp, bảo dưỡng hệ thống CNTT, triển khai ứng dụng CNTT tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc.

4. Nguồn vốn thực hiện

Từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn lực xã hội khác.

Hàng năm, căn cứ nội dung Chương trình hành động, chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể và dự toán kinh phí trong dự toán kinh phí hoạt động chung để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Là cơ quan thường trực triển khai Chương trình hành động, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện ở các cơ quan, đơn vị, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời thực hiện các nhiệm vụ được phân công;

- Tổ chức triển khai đồng bộ các nội dung thuộc Quy hoạch phát triển ứng dụng CNTT tỉnh Thái Bình đến năm 2020; các kế hoạch về phát triển và ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước hàng năm; lộ trình cung cấp dịch vụ

công trực tuyến mức độ 3,4 trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 04/5/2013 và các văn bản có liên quan, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối ngân sách hàng năm trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ nêu trên; ưu tiên bố trí ngân sách cho các kế hoạch, chương trình, dự án về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông lồng ghép các nội dung về ứng dụng, phát triển CNTT; bảo đảm nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển, vốn đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động trên địa bàn tỉnh; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài cho ứng dụng, phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ Chương trình hành động này xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của cơ quan, đơn vị; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Giang